TOÀ □N NHÂN DÂN
THÀNH PH□ HÀ N□I

Bản án số:**30/2018/DS-PT**
Ngày:29/01/2018
V/v:"Đòi quyền sử dụng đất... "

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**: Bà Nguyễn thị Thanh Hà**

Các Thẩm phán : Bà Trần thị Thu Nam

Ông Lê Sơn Hà .

-Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Minh Đức— Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:Bà Nguyễn Mai Thanh-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2017/TLPT-DS ngày 07/11/2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" .Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ứng hòa,Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.Theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số:380/2017/QĐXX-PT ngày 25/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐHPT-PT ngày 09/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐHPT-PT ngày 18/01/2018 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn : Ông **Vũ Duy S** — Sinh năm 1954 (Chết ngày 19/12/2008). Ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng : Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1975.

HKTT : M, Ư, TP Hà Nội. Có mặt.

Ng- ời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Thủy: Ông Trần Trung N - Luật s- thuộc Văn phòng Luật s- Hà Nguyên - Đoàn luật s- thành phố Hà Nội và bà Dương Thị H, Luật sư-Công ty Luật TNHH Tài Trung . Có mặt.

Bị đơn : Bà **Lê Thị N** — Sinh năm 1963; HKTT : xã M, huyện Ư, TP Hà Nội. Ng- ời đại diện theo uỷ quyền: Ông ***Lê Văn T***, sinh năm 1960; trú tại : ph- ờng T, Đ, Hà Nội. Có mặt.

Ng- ời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N:Bà Vũ Thị V - Luật s- thuộc Văn phòng Luật s- Đông Hà - Đoàn luật s- thành phố Hà Nội. Có mặt.

Những ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *:*

- Uỷ ban nhân dân huyện Ư, TP Hà Nội, ng- ời đại diện theo pháp luật ông Lê Hồng H - Chủ tịch; Ng- ời đ- ợc uỷ quyền : Ông ***Trần Quang N*** Tr- ởng phòng Tài nguyên và Môi tr- ờng huyện Ư. Vắng mặt

- Uỷ ban nhân dân xã Minh Đức, huyện Ư, Thành phố Hà Nội, ng- ời đại diện theo pháp luật ông ***D- ơng Văn Đ*** - Chủ tịch. Vắng mặt

- Bà ***Lê Thị N***, sinh năm 1956. Có mặt
- Bà ***Nguyễn Thị Ch***, sinh năm 1954. Vắng mặt
- Anh ***Vũ Duy T***, sinh năm 1992. Có mặt
- Chị ***Vũ Thị H***, sinh năm 1990. Có mặt
- Chị ***Nguyễn Thị Ph- ơng A***, sinh năm 1996. Vắng mặt

Đều có HKTT : xãM, huyện Ư, TP Hà Nội

- Bà ***Đặng Thị Kim L***, sinh năm 1945. Vắng mặt
- Anh ***Vũ Duy T***, sinh năm 1974. Vắng mặt
- Anh ***Vũ Duy T***, sinh năm 1976. Vắng mặt
- Chị ***Vũ Thị Kim T***, sinh năm 1983. Vắng mặt

Đều trú tại: ph- ờng T, Quận T, Thành phố Hà Nội.

4.Những người làm chứng

- Ông Nguyễn Xuân T**,** sinh năm 1958. Vắng mặt.

Trú tại: M, Ư, Hà Nội.

-Bà Vũ Trần T, sinh năm 1956. Vắng mặt.

Trú tại: phố T, Quận H,Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2008 của ông Vũ Duy S cùng đơn khởi kiện bổ sung của ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S - chị Vũ Thị T ngày 02/7/2014 và các bản khai tiếp theo, ông Vũ Duy S và chị Vũ Thị T và bà Vũ Thị N ng- ời đ- ợc chị T ủy quyền trình bày : Về nguồn gốc thửa đất các bên đang tranh chấp số 153, tờ bản đồ 09 đo đạc năm 2003, diện tích 220,4m2 tại thôn Thần, Minh Đức, Ư, TP. Hà Nội hiện nay bà Lê Thị N đang sử dụng là của cụ Trần Thị Trang (mẹ đẻ ông Vũ Duy T, ông T là anh con bác ruột của ông S), do gia đình ông S ở chật trội nên vào khoảng năm 1975 cụ Trang cho gia đình ông S ra đó ở. Lúc đó mảnh đất rất thấp về phía máng A10 nên vợ chồng ông S phải thuê thợ v- ợt nền mỗi năm một ít mới đ- ợc nh- hiện nay. Năm 1983 vợ chồng ông S ra làm 03 gian nhà cấp 4 trên một phần đất, phần còn lại ông làm sân và v- ờn. Năm 1992 vợ chồng ông S ly hôn, sau đó đã đ- ợc Toà án nhân dân tỉnh Hà Tây (cũ) xét xử bằng Bản án phúc thẩm số 18 ngày 22/3/1993 về phần chia tài sản trong Quyết định của bản án có giao bà N (vợ ông S) phần của bà trên đất có ngôi nhà cấp bốn 03

gian trên diện tích đất 90m^2 (có tứ cận: Đông giáp cụ Ch- ơng, Tây giáp ông Bất, Nam giáp máng 10, Bắc giáp đ- ờng 75 là 9m) ông S đ- ợc chia diện tích đất còn lại là 90m^2 nh- ng không xác định vị trí đất giao cho ông S. Cũng vào thời điểm năm 1992 ông S có nhờ anh trai là ông Vũ Duy B bị câm, có vợ là Lê Thị N ra trông nom giúp đất và nhà để vợ chồng ông đi Quảng Ninh làm ăn. Năm 1994, vợ chồng ông trở về đoàn tụ với nhau (nh- ng không đi đăng ký kết hôn lại), về quê đã thấy ông B làm nhà trên phần đất sân và v- ờn. Ông đòi lại nhiều lần nh- ng ông B, bà N không trả, ông B còn doạ thắt cổ chết, vì thấy ông B bị câm nên không kiên quyết đòi. Năm 1996, để có vốn làm ăn ông S đã bán phần đất có 03 gian nhà cho ông Nguyễn Xuân Thân (Hiện là thửa số 152, tờ bản đồ 09, diện tích 222m2 đo đạc năm 2003). Phần đất còn lại vẫn để cho vợ chồng ông B, bà N sử dụng. Năm 1999 ông B chết thì mẹ con bà N tiếp tục sử dụng. Ngày 25/7/2008, ông S khởi kiện đề nghị Tòa án xác định phần diện tích đất tại thửa 153 cho ông và yêu cầu bà N phảI tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất để trả lại đất cho ông. Sau đó ngày 19/12/ 2008 ông S chết, do đó chị Vũ Thị T là con duy nhất của ông S, là ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng, tài sản của ông S có đơn đề nghị Toà tiếp tục giải quyết tiếp vụ án.

Nay chị có quan điểm thửa đất tranh chấp trên là của bố chị đ- ợc chia theo bản án ly hôn. Năm 2003, trong sơ đồ và mục kê quản lý ruộng đất của xã đã đứng tên mẹ chị là bà Lê Thị N nên đề nghị Toà buộc bà N phải tháo dỡ công trình trên đất để trả lại đất cho chị.

Ngoài ra chị còn có yêu cầu khởi kiện bổ sung : Vào năm 1999 Nhà n- ớc mở rộng đ- ờng 428 đoạn từ Cống Thần đến thị trấn Vân Đình thì đã lấy một phần diện tích đất đang tranh chấp để làm đ- ờng, quá trình đo đạc, kiểm đếm vào khoảng 03 m^2 và đã bồi về đất th- ờng cho bà N với số tiền 1.070.000đ thời gian đó bố chị là ông Vũ Duy S còn sống biết việc nh- ng vì lúc đó ông B ốm nặng nên đã nói là cho ông B không đòi nữa; nay chị yêu cầu bà N phải trả chị số tiền trên cùng lãi suất Ngân hàng từ thời gian đó đến nay.

Tại các bản khai, các biên bản lấy lời khai bị đơn bà Lê Thị N uỷ quyền cho ông Lê Văn T trình bày: Bà N xây dựng hạnh phúc với ông Vũ Duy B từ năm 1987, vì ông B bị câm, bà thấy cả gia đình nhà chồng vẫn ở chung ngồi nhà của bố mẹ ở trong làng, các việc trong gia đình vẫn làm chung. Cụ thể vợ chồng bà cùng gia đình v- ợt đất làm nền ở thửa đất đang tranh chấp, sau đó khoảng 6 đến 7 năm vợ chồng bà N làm nhà tại mảnh đất nêu trên ở cho đến nay. Tr- ớc khi làm nhà bà N còn thanh toán trả vợ chồng ông S 1.000.000 đồng tiền công v- ợt đất. Khi chồng bà N - ông B còn sống không xảy ra tranh chấp gì về đất, cũng ch- a bao giờ bà N nghe nói là ra trông hộ đất cho ông S bà N. Nay ông S khởi kiện vợ chồng bà lấn chiếm đất của ông là không có cơ sở vì các lý do sau:

- Khi ông S chuyển nh- ợng đất cho ông Nguyễn Xuân Thân thì trong Hợp đồng chuyển nh- ợng đất có ghi phía Đông giáp đất ông Vũ Duy B — tức nhà bà Lê Thị N đang sử dụng;

- Quá trình sử dụng đất, gia đình bà là hộ nghèo cho đến năm 2012 gia đình bà đóng thuế đất cho đến nay.

- Vào năm 1999, Nhà n- ớc làm đ- ờng 428 có lấy một phần đất của nhà bà nên có bồi th- ờng về đất và các công trình trên đất cho bà số tiền hơn 2.000.000 đồng cho bà Lê Thị N. Nay ông cho rằng phần đất đang tranh chấp là của bà N, thời điểm bồi th- ờng bà N đang là ng- ời sử dụng đất và vợ chồng ông S, bà N có biết nh- ng không có ý kiến gì nên ông không chấp nhận trả chị Thuỷ số tiền này.

Những ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Bà Lê Thị N trình bày: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp nh- ông S và chị T trình bày ở trên là đúng. Năm 1992 bà và ông S ly hôn, Toà án đã chia cho bà 90m2 đất, trên đất có ngôi nhà 03 gian mà hiện tại ông S đã bán cho ông Nguyễn Xuân Thân, phần còn lại 90m2 là của ông Vũ Duy S mà hiện nay bà Lê Thị N đang sử dụng nh- ng năm 2003 thửa đất trên lại đứng tên bà. Nay bà đề nghị Toà án buộc bà N phải trả lại diện tích đất nêu trên cho chị Thuỷ để mẹ con bà có chỗ sinh sống.

- Bà Nguyễn Thị Châm trình bày: Về quan hệ gia đình bà là chị dâu của ông S, chị em dâu với bà N. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp giữa ông S và bà N là của ông Vũ Duy Lự — bố ông Vũ Duy T (đã chết). Ông T không có nhu cầu sử dụng nên cho bà và bà N (vợ ông S) cứ v- ợt đất lên thêm và sử dụng. Bà cũng không hiểu vì lý do gì về nguồn gốc nh- vậy mà năm 1985 bà lại đ ược đứng tên thửa đất trên trong sổ mục kê của xã. Theo bà đ- ợc biết, vợ chồng ông S bà N đã chuyển nh- ợng một nửa phần đất trên có ngôi nhà ngang cho ông Nguyễn Xuân Thân, bà có chứng kiến việc chuyển nh- ợng này, có ký tên vào Hợp đồng chuyển nh- ợng và có ghi xác nhận gì đó bà không nhớ rõ. Việc vợ chồng ông S bà N có chuyển nh- ợng phần đất v- ợt còn lại cho vợ chồng ông B bà N hay không bà không biết. Bà xác nhận chính là vợ chồng ông S, bà N là ng- ời v- ợt đất làm nhà, sau khi vợ chồng S N đi Quảng Ninh làm ăn thì ông B, bà N mới ra đó sử dụng ở ....Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác. Vì lý do sức khoẻ bà cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án.

- Ông Vũ Duy T khi còn sống trình bày: Về nguồn gốc thửa đất các bên đang tranh chấp là do các cụ nhà ông để lại nh- ng vì ông không có nhu cầu sử dụng nên ông Bật và ông S là ng- ời v- ợt đất theo dẻo đất thì mới hình thành nh- hiện nay, ông cũng đồng ý để hai ông sử dụng, còn ông B khi đó ch- a có vợ con lại đ- ợc anh em chia cho 02 gian nhà của bố mẹ để lại nên không có nhu cầu.

- Bà Đặng Thị Kim Loan, các anh Vũ Duy Tuân, Vũ Duy Tú, chị Vũ Thị Kim Thu là vợ con của ông Vũ Duy T: Trong quá trình giải quyết lại vụ án, Tòa

án đã tống đạt các văn bản tố tụng cũng nh- có giấy triệu tập các đ- ơng sự…… đến Tòa làm việc nh- ng bà Loan, anh Tuân, anh Tú, Chị Thu không có ý kiến gì và không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án

- Đại diện UBND xã Minh Đức ông D- ơng Văn Đãi trình bày: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất hiện đang tranh chấp giữa ông S và bà N Toà án đã xác minh tại xã. Liên quan đến vấn đề bồi th- ờng đất khi làm đ- ờng 428 nh- sau: vào năm 1999 thực hiện Quyết định số 175 của UBND huyện Ư về việc giải phóng mặt bằng giai đoạn một phục vụ thi công đ- ờng 428 UBND xã Minh Đức đã tiến hành làm việc cùng bà Lê Thị N về việc đo đạc, kiểm đếm, làm hồ sơ lấy căn cứ bồi th- ờng đối với thửa đất 72 tờ bản đồ 01 (sau khi áp vào sơ đồ, sổ mục kê năm 2003 thì phần thửa đất 72 đ- ợc bồi th- ờng trên chính là thửa đất 153, tờ bản đồ 09 hiện đang tranh chấp) cho ng- ời đang sử dụng đất - bà Lê Thị N, số tiền bồi th- ờng là 2.324.000 đồng, trong đó bồi th- ờng về đất là 1.071.000 đồng, về công trình trên đất là 1.253.000 đồng. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác. Vì lý do công việc nên ông có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện UBND huyện Ư ông Trần Quang Ngạn trình bày : Về việc bồi th- ờng giải phòng mặt bằng dự án làm đ- ờng 428 nh- sau: Phòng Tài nguyên và Môi tr- ờng không l- u trữ hồ sơ đo đạc, kiểm đếm bồi th- ờng đất và các công trình trên đất cho dự án làm đ- ờng 428 đối với bà Lê Thị N. Tuy nhiên, căn cứ theo hồ sơ kiểm đếm ngày 23/01/1999 của UBND xã Minh Đức đối với hộ bà Lê Thị N thì UBND xã Minh Đức đề nghị bồi th- ờng cho bà Lê Thị N phần diện tích đất 2,3 m2 t- ơng đ- ơng số tiền 1.071.000 đồng là ch- a hợp lý bởi nguyên tắc phải bồi th- ờng cho chủ sử dụng đất hợp pháp (có tên trong hồ sơ địa chính), bà N chỉ là ng- ời đang sử dụng đất thực tế. Việc chị Vũ Thị T cho rằng phần đất đ- ợc bồi th- ờng trên là của ông S nên yêu cầu bà N phải trả lại cho chị khoản tiền trên theo ông là không có căn cứ bởi ông S ch- a bao giờ đứng tên trong hồ sơ địa chính của xã và cũng không phải là ng- ời sử dụng đất thực tế tại thời điểm bồi th- ờng. Ngoài ra ông không có ý kiến nào khác. Vì lý do công việc nên ông có đơn xin vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án.

- Anh Thanh và chị Huệ trình bày : Đều nhất trí với ý kiến quan điểm nh- ông Toàn trình bày ở trên.

Tại bản án số 02/2008/DSST ngày 30/9/2008 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa,Thành phố Hà Nội đã quyết định:Bác yêu cầu khởi kiện của ông Sơn.
Sau đó ông Sơn kháng cáo.

Tại bản án số 99/2009/DSPT ngày 21/4/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định:Hủy bản án sơ thẩm số 02/2008/DSST ngày 30/9/2008 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa để xem xét đất tranh chấp có phải đất ông Sơn được chia theo bản án ly hôn không.

Tại bản án sơ thẩm lần 2 số 03/2015/DSST ngày 28/ 01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa,Thành phố Hà Nội đã quyết định:Chấp nhận yêu cầu kiện của ông Sơn.Xác đinhg gía trị đất tranh chấp là 187.200.000 đồng. Tính công sức cho

bà N là 87.200.000 đồng. Giao đất cho bà N sử dụng và thanh toán cho chị Thủy 100.000.000 đồng.

Sau đó,phía chị Thủy kháng cáo.Chị Thủy đề nghị chia trả chị ½ diện tích đất để chị lấy chỗ ở,

Tại bản án phúc thẩm lần 2 số 66/2016/DSPT ngày 13/4/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định:Hủy bản án sơ thẩm số 03/2015/DSST ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa,Thành phố Hà Nội vì vi phạm về tố tụng và nội dung:Xem xét lại thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Sơn hay bà N.

Tại bản án sơ thẩm lần 3 số 04/2017/DSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa,Thành phố Hà Nội đã quyết định:

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Duy S (đã chết) ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng là chị Vũ Thị T về việc yêu cầu bà Lê Thị N trả ông quyền sử dụng đất tại thửa số 153, tờ bản đồ số 1, diện tích 220,4m^2 tại thôn Thần, xã Minh Đức, □ng Hòa, Hà Nội.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T về việc yêu cầu bà Lê Thị N phải trả chị số tiền 1.070.000đ bồi th- ờng về đất khi mở rộng đ- ờng 248

Ngoà i ra bản án còn tuyên án phí ,quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 05/10/2017, chị Thủy kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa hôm nay :Chị Thủy đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà N phải trả chị phần diện tích đất thực tế hợp pháp là 7,98 m mặt đường kéo dài 8 m là 63,84 m2 đất.Chị Thủy rút kháng cáo về việc đòi bà N trả chị 1.070.000 đồng tiền bồi thường do lấy đất làm đường năm 1999.Đề nghị Hội đồng xét xử sửa quyết định của án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu kiện đòi đất của chị Thủy.

Bị đơn là ông Toàn đại diện cho bà N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Thành và chị Huế đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Châm,bà Loan,anh Tuấn,anh Tú,chị Thu đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và không đến phiên tòa .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân xã Minh Đức và ủy ban nhân dân huyện Ứng hòa có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:- Về tố tụng: Toà án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử ;các đ- ơng sự là nguyên đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đầy đủ qui định của pháp luật.Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án,không có lời khai và tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng .

- Về nội dung: sau khi phân tích nội dung vụ án và kháng nghị , đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội thấy: Chị Thủy kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Sơn kiện đòi quyền sử dụng đất được chia theo án ly hôn có hiệu lực pháp luật đối với bà N nhưng không có căn cứ xác định phần đất được chia nằm ở vị trí nào nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của chị Thủy là có căn cứ.Tuy nhiên việc áp dụng pháp luật tính án phí cho đương sự không đúng cần sửa lại và đề nghị cho bà N được điều chỉnh lại tên trong giấy tờ quản lý đất đai của xã.Việc chị Thủy rút kháng cáo về đòi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng năm 1999 là tự nguyện nên chấp nhận.Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận xét trên .

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa,căn cứ vào kết quả tranh luật tại phiên tòa,Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng : Đơn kháng cáo của đại diện chị Vũ Thị Thủy làm trong hạn luật định và đã nộp dự phí kháng cáo được coi là hợp lệ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Châm,bà Loan,anh Tuấn,anh Tú,chị Thu đã được tống đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa.Đại diện Ủy ban nhân dân xã Minh Đức,đại diện Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa đã được tống đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử vắng mặt.Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự trên theo điều 296 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:Xét kháng cáo của chị Vũ Thị Thủy thấy:Nguyên đơn là ông Vũ Duy Sơn do chị Thủy là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng khởi kiện đề nghị :yêu cầu bà N trả lại phần hợp pháp của thửa đất tại Thôn thần,xã Minh Đức,huyện Ứng hòa,Thành phố Hà Nội do ông Sơn được chia tại bản án ly hôn năm 1993 cho chị Thủy và yêu cầu bà N trả số tiền được đền bù thu hồi đất của Hợp tác xã năm 1999.Tại phiên tòa phúc thẩm,chị Thủy tự nguyện rút kháng cáo phần đòi tiền bồi thường việc lấy đất khi mở đường.Việc rút yêu cầu kháng cáo của chị Thủy điểm này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận:Đình chỉ xét xử phúc thẩm về yêu cầu này,phần tuyên về vấn đề này của án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Xét kháng cáo của chị Thủy về yêu cầu đòi quyền sử dụng đất thấy : nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của cụ Vũ Duy Lự (bố ông Vũ Duy Tân –Anh em họ với ông Sơn,ông Bật),sau này ông Tân cho Sơn sử dụng.Những năm 1980,ông Sơn và vợ là bà N sử dụng phần đất này và có xây nhà trên đất và một phần để làm vườn.Năm 1992 ông Sơn ly hôn bà N. Tại bản án ly hôn số 18/LHPT ngày 23/3/1993 của Tòa án nhân dân Tỉnh Hà Tây khi giải quyết ly hôn giữa bà N và ông Sơn đã xác định thửa đất nhà tại Thôn thần,xã Minh Đức,huyện Ứng

hòa,Thành phố Hà Nội là tài sản chung của ông Sơn và bà N và chia cho ông bà mỗi người một phần đất.Phần đất của bà N được xác định là phần đất có nhà ,phần đất chia cho ông Sơn là phần còn lại của thửa đất trên.Sau khi được chia đất theo bản án ly hôn trên,ông Sơn không sử dụng đất mà cho anh trai ruột là ông Bật ,người bị câm và vợ là bà N sử dụng.Phía ông Sơn cho rằng phần đất này là của ông được chia theo bản án ly hôn trên và yêu cầu bà N trả lại đất.Phía bà N cho rằng được gia đình ông Bật cho ra ở tại phần đất này và đã thanh toán cho ông Sơn 1.000.000 đồng tiền vượt đất nhưng bà N không có chứng cứ về việc trả tiền.Nhân chứng là bà Thảo cho rằng không chứng kiến việc mua bán trao tiền mua đất giữa ông Sơn và bà N nhưng nhiều lần nghe ông Sơn nói về việc bán rẻ đất cho ông Bật. Năm 1996, ông Sơn đã bán phần đất có nhà cho ông Thân mà theo án ly hôn thì phần đất nhà này thuộc quyền sử dụng sở hữu của bà N. Tại giấy bán nhà cho ông Thân do ông Sơn ghi thì xác định phần nhà bán giáp đất ông Bật.Xét thấy bản án số 18/LHPT ngày 23/3/1993 của Tòa án nhân dân Tỉnh Hà Tây có hiệu lực pháp luật.cho đến nay không có bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật nào hủy sửa bản án này.Căn cứ vào quyết định của án thì phần đất bà N đang sử dụng thuộc quyền sử dụng của ông Sơn nên nay chị Thủy kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Sơn đòi phần đất này là có căn cứ.Tuy nhiên xét cả quá trình sử dụng đất của bà N từ năm 1993 đến nay thấy:Bà N xây nhà và các công trình trên đất ông Sơn không có ý kiến gì.Năm 1999,nhà nước lấy một phần đất làm đường có đền bù giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà N, khi đó ông Sơn có biết nhưng không có ý kiến gì.Theo định giá thì giá trị quyền sử dụng đất 63,84 m2 tranh chấp có giá là 319.200.000 đồng nghĩ nên trích cho bà N ½ giá trị công sức duy trì tôn tạo đất là 159.600.000 đồng và giao cho bà N và các con sử dụng thửa đất này và thanh toán bằng giá trị cho chị Thủy là phù hợp để ổn định cuộc sống của hai bên.

Bà N có quyền đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo án tuyên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Chị Thủy phải chịu án phí sơ thẩm theo mức án phí không giá ngạch đối với yêu cầu đòi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và không phải chịu án phí phúc thẩm .Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán.

Vì các lẽ trên! Áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Vũ Thị Thủy .

Chấp nhận rút kháng cáo phần đòi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của chị Thủy.Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần yêu cầu đòi bồi thường giải phóng mặt bằng của chị Vũ Thị Thủy.Án sơ thẩm tuyên phần này có hiệu lực pháp luật.

Sửa quyết định của bản án sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa,Thành phố Hà Nội như sau**:** □p dụng các Điều 221, 235 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147;148, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh án, lệ phí Tòa án 2009.Nghị quyết 326/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án.

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Duy S (đã chết) ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng là chị Vũ Thị T về việc yêu cầu bà Lê Thị N trả ông quyền sử dụng đất hợp pháp tại thửa số 153, tờ bản đồ số 1, diện tích 220,4m 2 (diện tích sử dụng hợp pháp là 63,8 m2) tại thôn Thần, xã Minh Đức, □ng Hòa, Hà Nội.

Xác nhận diện tích đất 63,84 m2 đất có chiều 7,98m x 8m tại thửa đất số 153 tờ bản đồ số 1 thôn Thần xã xã Minh Đức, □ng Hòa, Hà Nội thuộc quyền sử dụng của ông Vũ Duy Sơn trị giá là 319.200.000 đồng.

Tính công sức duy trì trông nom thửa đất trên cho bà Lê thị N tương đương 159.600.000 đồng.Bà N được tiếp tục sở hữu toàn bộ tài sản trên đất do bà N xây dựng.

Giao cho bà Lê Thị N sử dụng 63,8 m2 có chiều mặt đường 7,98 m và sâu 8m trong thửa đất trên.Bà Lê thị N phải thanh toán cho chị Vũ Thị Thủy 159.600.000 (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ngàn chẵn) đồng.

Bà Lê thị N có quyền đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T về việc yêu cầu bà Lê Thị N phải trả chị số tiền 1.070.000đ bồi th- ờng về đất khi mở rộng đ- ờng 248.

3. Về án phí : Chị Vũ Thị Thủy phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 200.000đ chị T đã nộp theo biên lai số 0007660 ngày 28/8/2015.Hoàn trả ông vũ Duy Sơn do chị Thủy kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng số tiền 50.000đ ông Vũ Duy S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai 009304 ngày 01/8/2008 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ứng Hòa, Hà Nội

Bà Lê Thị N phải chịu 7.980.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ phải thi hành án không chịu thanh toán thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán trên số nợ gốc, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, chung thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội
- Các đ- ơng sự
-THA huyện Ứng hòa, HN
- L- u H/s...

T/M H□I □□NG X□T X□ PHUC THỘM
THỘM PH□N — CH—TO□ PHI□N TOÀ

NGUYỄN THỊ THANH HÀ